

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2020

“Về việc ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Bích S, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Rắn B, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Rắn B, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và các lời khai của nguyên đơn Chị Hồ Bích S trình bày:

Về hôn nhân: Chị S và anh Kh kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 16/7/2010 tại UBND xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị S và anh Kh sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau thường bất đồng quan điểm. Chị S và anh Kh ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Chị S xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị S trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 29/6/2011. Hiện nay con đang sống chung với chị S.

Sau khi ly hôn chị S yêu cầu tiếp tục được con, không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị S trình bày vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với Anh Nguyễn Văn Kh, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh Kh biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 nhưng anh Kh không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh Kh để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Kh không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị S. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ lần thứ hai anh Kh vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Kh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn Kh có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Hồ Bích S khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Kh kết hôn ngày 16/7/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị S và anh Kh không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Đối với anh Kh, Tòa án đã triệu tập họp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh Kh vắng mặt không lý do, đồng thời anh Kh cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh Kh đồng ý với yêu cầu của chị S. Hội đồng xét xử xét thấy, chị S và anh Kh đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay tuy thời gian không dài nhưng anh Kh không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu

thuần của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh Kh là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị S trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 29/6/2011. Hiện nay con đang sống chung với chị S. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Kh, Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh Kh không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với anh Kh được về việc yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu Khang đã sống chung với chị S từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao cháu Khang cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Kh là cha của cháu Khang vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh Kh không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S trình bày vợ chồng không có không nợ chung, anh Kh không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Bích S được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh.

- Về con chung: Giao cho chị Hồ Bích S tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 29/6/2011.

Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị S có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005654 ngày 20/8/2020 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện C được chuyển thu. Anh Kh không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chỉ S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Kh được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính